

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/DS-ST  
Ngày: 17-6-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ái Duyệt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Ngọc Đình

2. Ông Huỳnh Thuận

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Thu, kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Huyền Tr, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Số 126/4 ấp 4, xã H, huyện C, tỉnh L (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Ph, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Số 212/4 ấp 4, xã V, huyện C, tỉnh L (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2022, ngày 22/3/2022 và trong quá trình xét xử bà Phạm Thị Huyền Tr là nguyên đơn trình bày:* Bà có tham gia chơi các dây hụi do bà Phạm Thị Ph làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi thứ 1: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 05/02/2019, hụi có 30 phần, bà tham gia hai phần, bà đóng được 28 tháng với số tiền là 28.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 2: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 25/7/2020, hụi có 30 phần, bà tham gia một phần, bà đóng được 11 tháng với số tiền là 11.720.000 đồng.

Dây hụi thứ 3: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/4/2021, hụi có 30 phần, bà tham gia một phần, bà đóng được 02 tháng với số tiền là 3.000.000 đồng.

Quá trình tham gia chơi hụi bà đã đóng tiền cho bà Tr dây hụi thứ 1 và dây hụi thứ 2 với tổng số tiền là 39.720.000 đồng, đến ngày 30/6/2021 bà Ph tuyên bố vỡ hụi và ngày 24/12/2021 bà Ph đã viết giấy hẹn trả nợ với số tiền là 39.720.000 đồng. Đến ngày 17/01/2022, bà Ph đã trả cho bà số tiền 5.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà Ph trả cho bà số tiền còn nợ là 34.720.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả một lần số tiền nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa bà không yêu cầu giải quyết số tiền nợ của dây hụi thứ 3.

*Bà Phạm Thị Ph là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.*

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về thủ tục tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền vốn hụi còn nợ là 34.720.000 đồng, bị đơn chậm thanh toán thì phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị Huyền Tr có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi với bà Phạm Thị Ph, việc tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Phạm Thị Ph cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Bà Phạm Thị Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Ph.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Phạm Thị Huyền Tr yêu cầu bà Phạm Thị Ph trả số tiền vốn góp hụi còn nợ là 34.720.000 đồng, theo giấy hẹn trả nợ mà bà Phượng đã ký kết, không yêu cầu tính lãi suất, yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, việc tham gia chơi hụi là sự thỏa thuận của các đương sự, bà Ph là chủ hụi tổ chức cho các thành viên tham gia góp hụi, hàng tháng bà Ph chịu trách nhiệm thu hiền hụi của các hụi viên có tiền góp hụi thấp hơn để giao cho hụi viên góp tiền hụi cao hơn, đến khi bà Tr hốt hụi thì bà Ph không thanh toán tiền hốt hụi cho bà Tr và lập giấy hẹn trả nợ với bà Ph đề ngày 24/12/2021 (do nguyên đơn cung cấp).

[3] Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án nhiều lần triệu tập bà Ph để hòa giải cũng như để làm rõ nội dung vụ án nhưng bà Ph đều vắng mặt không đến Tòa án giải quyết vụ án, điều này thể hiện việc bà Ph đã từ bỏ quyền chứng minh cho mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy hẹn trả nợ cũng như nội dung biên bản làm việc do Công an xã V lập ngày 24/12/2021 có cơ sở xác định bà Ph có nợ tiền hụi bà Tr nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tr, buộc bà Ph trả cho bà Tr số tiền hụi còn nợ là 34.720.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hụi, biếu, phường. Bà Tr chậm thanh toán thì phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Huyền Tr được chấp nhận nên bà Phạm Thị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, cụ thể: 34.720.000 đồng x 5% = 1.736.000 đồng. Bà Phạm Thị Huyền Tr không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 468 và 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi của bà Phạm Thị Huyền Tr đối với bà Phạm Thị Ph.

Buộc bà Phạm Thị Ph có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị Huyền Tr số tiền vốn hội là 34.720.000 (ba mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.736.000 (một triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn) đồng.

Bà Phạm Thị Huyền Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 968.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007769 ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh LA;
- Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Ái Duyệt**